

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
công trình: Đường giao thông từ Trung tâm thị trấn Đông Phú
đến Khu du lịch sinh thái suối Tiên, huyện Quế Sơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ các Quyết định: số 2607/QĐ-UBND ngày 22/8/2013, số 1865/QĐ-UBND ngày 26/5/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông từ Trung tâm thị trấn Đông Phú đến Khu du lịch sinh thái suối Tiên, huyện Quế Sơn;

Theo Công văn số 3368/UBND-KTN ngày 27/5/2022 của UBND tỉnh và đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 594/TTr-STC ngày 02/11/2022 (kèm Báo cáo kết quả thẩm tra số 2871/BC-STC ngày 25/10/2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

1. Công trình: Đường giao thông từ Trung tâm thị trấn Đông Phú đến Khu du lịch sinh thái suối Tiên, huyện Quế Sơn.

2. Địa điểm: huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Chủ đầu tư: UBND huyện Quế Sơn.

4. Thời gian khởi công: 23/6/2014; hoàn thành: 11/02/2020.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

S TT	Nội dung	Tổng dự toán được duyệt (đồng)	Chi phí đầu tư được quyết toán (đồng)
	Tổng số	51.606.182.000	46.680.129.000
1	Chi phí xây dựng	40.760.134.000	39.795.824.000
2	Chi phí quản lý dự án	711.706.000	665.032.000
3	Chi phí tư vấn	2.823.179.000	2.608.103.000
4	Chi phí khác	2.027.406.000	1.898.813.000
5	Chi phí bồi thường GPMB	3.000.000.000	1.712.357.000
6	Dự phòng	2.283.757.000	

2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Tổng mức đầu tư được duyệt: 51.606.182.000 đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư: ngân sách Trung ương từ chương trình hỗ trợ hạ tầng du lịch, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện.

c) Vốn đầu tư đã bố trí thực hiện: 45.437.073.000 đồng, gồm:

- Vốn đầu tư đã bố trí giải ngân đến hết năm 2021: 44.437.073.000 đồng, trong đó: ngân sách Trung ương: 32.108.000.000 đồng; ngân sách tỉnh: 10.900.000.000 đồng; ngân sách huyện: 1.429.073.000 đồng.

- Vốn ngân sách huyện năm 2021 (kéo dài): 1.000.000.000 đồng, chưa giải ngân.

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Nội dung	Tài sản hình thành qua đầu tư Chủ đầu tư quản lý, sử dụng (đồng)
Tổng cộng	46.680.129.000
1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	46.680.129.000
2. Tài sản ngắn hạn	0

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không.

5. Giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Chủ đầu tư (UBND huyện Quế Sơn):

a) Được phép tất toán nguồn vốn, chi phí đầu tư công trình Đường giao thông từ Trung tâm thị trấn Đông Phú đến Khu du lịch sinh thái suối Tiên, huyện Quế Sơn, với số tiền: 46.680.129.000 đồng và thanh toán các khoản công nợ theo giá trị quyết toán dự án được phê duyệt. Các khoản công nợ (đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán):

- Tổng nợ phải thu: 12.327.000 đồng.
- Tổng nợ phải trả: 2.255.383.000 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ theo Phụ lục I đính kèm)

b) Rút kinh nghiệm trong công tác quản lý dự án công trình, do: (i) các hạng mục công trình giai đoạn 1, Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 30/6/2017, trước ngày Phòng Kinh tế và Hạ tầng có thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (*Công văn số 332/CV-KT&HT ngày 31/10/2018 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Quế Sơn*); (ii) thời gian lựa chọn nhà thầu kiểm toán không phù hợp với Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu nhưng Chủ đầu tư không trình cấp có thẩm quyền phê duyệt lại theo đúng thực tế thực hiện; (iii) chậm trình quyết toán dự án hoàn thành so với quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính (nay là Nghị định số 99/2021/NĐ-CP): 24 tháng.

c) Thu hồi số tiền: 12.327.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước **trước ngày 25/11/2022** và khẩn trương thanh toán vốn ngân sách huyện năm 2021 (kéo dài): 1.000.000.000 đồng; đồng thời, làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn trả nợ cho dự án số tiền còn thiếu: 1.255.383.000 đồng.

2. UBND huyện Quế Sơn là đơn vị quản lý, sử dụng tài sản hình thành sau đầu tư phải ghi tăng giá trị tài sản, với số tiền: 46.680.129.000 đồng; thực hiện báo cáo kê khai biến động tài sản và quản lý tài sản theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

(Chi tiết Danh mục tài sản theo Phụ lục II đính kèm)

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Quế Sơn và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP và phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục I
TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ
Công trình: Đường giao thông từ Trung tâm thị trấn Đông Phú
đến Khu du lịch sinh thái suối Tiên, huyện Quế Sơn
(Kèm theo Quyết định số: 3134/QĐ-UBND ngày 18 / 11 /2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

DVT: đồng

TT	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Chi phí đầu tư được quyết toán	Đã thanh toán, tạm ứng	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán	
					Phải trả	Phải thu
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]
Tổng cộng			57.973.013.000	57.300.000.000	673.013.000	
I	Chi phí bồi thường GPMB		1.712.357.000	1.683.837.000	28.520.000	
I.1	Giai đoạn 1		797.638.000	790.739.000	6.899.000	
1	Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 và Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 02/10/2022 của UBND huyện Quế Sơn về việc điều chỉnh chi phí kiểm toán quyết toán bồi thường.	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư để GPMB xây dựng công trình	656.659.000	656.659.000		
2	Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 của UBND huyện Quế Sơn về phê duyệt quyết toán	Bồi thường cây cối, mồ mã, hỗ trợ đất đai tại các vị trí khai thác đất	134.080.000	134.080.000		
3	Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam	Chi phí kiểm toán BCQT	5.333.000		5.333.000	
4	Phòng Tài chính kế hoạch huyện Q.Son	Thẩm tra quyết toán	1.566.000		1.566.000	
I.2	Giai đoạn 2		914.719.000	893.098.000	21.621.000	

[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]
1	Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 và Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 02/10/2022 của UBND huyện Quế Sơn.	Bồi thường vật kiến trúc, đất đai	770.729.000	770.729.000		
2	Công ty cổ phần Đo đạc địa chính Hưng Bình	Chi phí trích đo, trích lục HSĐC	135.966.000	122.369.000	13.597.000	
3	Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam	Chi phí kiểm toán BCQT	7.367.000		7.367.000	
4	Phòng Tài chính kế hoạch huyện Q.Sơn	Thẩm tra quyết toán	657.000		657.000	
II	Xây lắp (II.1+II.2)		40.320.731.000	38.731.698.000	1.589.033.000	
II.1	Giai đoạn 1		16.270.736.000	15.433.760.000	836.976.000	
	Công ty TNHH Thắng lợi	Thi công xây dựng công trình	16.270.736.000	15.433.760.000	836.976.000	
II.2	Giai đoạn 2		24.049.995.000	23.297.938.000	752.057.000	
	Công ty TNHH Thắng lợi	Thi công xây dựng công trình	23.525.088.000	23.297.938.000	227.150.000	
		Chi phí lán trại	448.643.000		448.643.000	
		Chi phí đảm bảo giao thông	76.264.000		76.264.000	
III	Quản lý dự án		665.032.000	644.875.793	20.156.207	
1	Ban QL DA - QĐ huyện Quế Sơn	Quản lý dự án	665.032.000	644.875.793	20.156.207	
IV	Tư vấn		2.608.103.000	2.326.813.207	293.616.793	
IV.1	Giai đoạn 1		1.428.671.000	1.258.105.000	179.448.000	

[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]
1	Công ty TNHH Kiến Minh	Chi phí Khảo sát, lập dự án đầu tư	432.697.000	389.000.000	43.697.000	
		Chi phí Khảo sát, thiết kế BVTC	427.494.000	384.745.000	42.749.000	
2	Công ty Cổ phần TVXD Trí Thành	Thẩm tra TKBVTC -DT + điều chỉnh	42.518.000	51.400.000		8.882.000
3	Công ty Cổ phần Phú Khang	TV lập HSMT và đánh giá HSDT	37.960.000	37.960.000		
4	Công ty Cổ phần TVXD Quảng Long	Giám sát thi công	382.982.000	345.000.000	37.982.000	
5	Trung tâm Kiểm định chất lượng XD Quảng Nam	Chi phí kiểm định chất lượng công trình	105.020.000	50.000.000	55.020.000	
IV.2	Giai đoạn 2		1.179.432.000	1.068.708.207	114.168.793	
1	Công ty TNHH Kiến Minh	Chi phí Khảo sát, lập dự án đầu tư điều chỉnh	193.556.000	150.000.000	43.556.000	
		Chi phí Khảo sát, thiết kế BVTC -DT	450.244.000	405.600.000	44.644.000	
3	Công ty CP Tư vấn Đầu tư xây dựng và phát triển công nghệ	Thẩm tra TKBVTC -DT + điều chỉnh	44.484.000	37.916.207	6.567.793	
4	Công ty CP Tâm Giao	TV lập HSMT và đánh giá HSDT	41.425.000	44.870.000		3.445.000
5	Công ty CP TV XD Cẩm Lệ Việt	Giám sát thi công	449.723.000	430.322.000	19.401.000	
V	Chi phí khác		1.373.906.000	1.049.849.000	324.057.000	
V.1	Giai đoạn 1		623.468.000	497.616.000	125.852.000	
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh QN	Lệ phí thẩm định dự án	7.688.000	7.688.000		
2	Công ty TNHH Kiến Minh	Chi phí cầm cọc GPMB	61.808.000	50.000.000	11.808.000	
3	Ban QL Dự án - Quỹ đất	Lệ phí TN&MT	55.500.000	55.500.000		
4	Công ty CP Bảo hiểm Hàng không	Chi phí bảo hiểm công trình	71.075.000	71.075.000		
5	Phòng Tài chính kế hoạch huyện Q.Sơn	Chi phí thẩm định KQLCNT	1.693.000	1.693.000		

[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]
6	Chi nhánh Công ty TNHH MTV hữu nghị Nam Lào tại Quảng Nam.	Chi phí rà phá bom mìn	245.196.000	220.000.000	25.196.000	
7	Cơ quan Chủ nhiệm Công Binh - QKV	Chi phí giám sát RPBM	2.313.000	2.313.000		
8	Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam	Chi phí kiểm toán công trình	150.493.000	89.347.000	61.146.000	
9	Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	27.702.000		27.702.000	
V.2	Giai đoạn 2		750.438.000	552.233.000	198.205.000	
1	Ban QL Dự án - Quỹ đất	Lệ phí TN&MT	28.625.000	28.625.000		
2	Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Nam	Thẩm định dự án điều chỉnh	7.688.000		7.688.000	
		Thẩm định thiết kế BVTC-DT	12.447.000	12.447.000		
		Thẩm định thiết kế BVTC-DT điều chỉnh	2.949.000		2.949.000	
3	Phòng Tài chính kế hoạch huyện Q.Sơn	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	11.218.000	11.218.000		
4	Công ty TNHH Kiến Minh	Chi phí cắm cọc GPMB	92.729.000	80.000.000	12.729.000	
5	CN Công ty TNHH MTV Hữu Nghị Nam Lào tại QN	Rà phá bom mìn	246.024.000	200.000.000	46.024.000	
6	Cơ quan chủ nhiệm công binh Quân khu 5	Thẩm định phương án và giám sát RPBM	3.947.000	3.947.000		
7	Công ty CP Bảo hiểm Hàng không	Chi phí bảo hiểm công trình	94.215.000	94.215.000		
8	Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá và tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam	Chi phí kiểm toán công trình	213.082.000	121.781.000	91.301.000	
9	Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	37.514.000		37.514.000	

Phụ lục II
DANH MỤC TÀI SẢN HÌNH THÀNH SAU ĐẦU TƯ
Công trình: Đường giao thông từ Trung tâm thị trấn Đông Phú
đến Khu du lịch sinh thái suối Tiên, huyện Quế Sơn

(Kèm theo Quyết định số: 3134/QĐ-UBND ngày 18 / 11 /2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Số TT	Tên và ký hiệu tài sản; quy mô, công suất (riêng đối với thiết bị ghi rõ thêm chủng loại, xuất xứ, năm sản xuất)	Đơn vị	Số lượng	Giá đơn vị (đồng)	Tổng nguyên giá (đồng)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	Tổng cộng				46.680.129.000
	Giai đoạn 1(Lý trình Từ Km1+589,10-Km4+708,09)				19.393.073.000
1	Nền, mặt đường: Quy mô L= 3.118,99m, đường cấp IV miền núi theo TCVN 4054-2005, Mặt cắt ngang: B nền =7,5m =5,5m (mặt)+2x1,0m (lề). Kết cấu mặt đường BTXM Mác 300 đá 1x2 dày 22cm trên móng CPĐ D loại I dày 18cm.	Hạng mục	1	15.126.299.000	15.126.299.000
2	Gia cố rãnh: Tại các vị trí qua khu dân cư chiều dài 942m bố trí mương hở đập đan kết cấu BTCT M200 đá 1x2 đan mương, thân mương BT M150đá 1x2	- nt -	1	310.142.000	310.142.000
3	Gia cố mương dọc được thiết kế dạng hình thang 0,4x0,4x1,2, mái đá 2x4 mác M150 dày 15cm.	- nt -	1	650.977.000	650.977.000
4	Cống tròn: 17 cái kết cấu tường đầu bằng BT M200 đá 2x4, móng cống, tường đầu, tường cánh BT M200 đá 4x6, chân khay sân cống BT M150 , sân gia cố bằng đá hộcM100	- nt -	1	1.741.029.000	1.741.029.000
5	Cống hộp gồm 03 cái, kết cấu đan cống M300 đá 1x2, móng cống, tường đầu, tường cánh BT M200 đá 4x6, chân khay sân cống BT M150 , sân gia cố bằng đá hộcM100	- nt -	1	876.761.000	876.761.000
6	Cống bản 01 cái, kết cấu đan cống M300 đá 1x2, móng cống, tường đầu, tường cánh BT M200 đá 4x6, chân khay sân cống BT M150 , sân gia cố bằng đá hộcM100	- nt -	1	319.182.000	319.182.000
7	An toàn giao thông: Vạch sơn biển báo tuân thủ theo Điều lệ báo hiệu đường bộ QCVN41:2012/BGTVT ngày 29/5/2012	- nt -	1	194.347.000	194.347.000
8	Mương đỉnh bố trí mương hở được gia cố bằng BT M150đá 1x2	- nt -	1	174.335.000	174.335.000

[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
	Giai đoạn 2 (Lý trình từ Km 4+708,09-Km 10+175,04)				27.287.056.000
1	Nền, mặt đường: Quy mô L= 5.466,95m, đường cấp IV miền núi theo TCVN 4054-2005. Trong đó: L=2.114,8 m, Mặt cắt ngang: B nền =7,5m =5,5m (mặt)+2x1,0m (lề). Kết cấu mặt đường BTXM Mác 300 đá 1x2 dày 22cm trên móng CPĐ D loại I dày 18cm. Và L=3.352,15 m, Mặt cắt ngang: B nền =7,5m =3,5m (mặt)+2x2,0m (lề). Kết cấu mặt đường BTXM Mác 300 đá 1x2 dày 22cm trên móng CPĐ D loại I dày 18cm.	- nt -	1	16.425.326.000	16.425.326.000
2	Gia cố rãnh, mương dọc: Tại các vị trí qua khu dân cư chiều dài 942m bố trí mương hở đập đan kết cấu BTCT M200 đá 1x2 đan mương, thân mương BT M150đá 1x2	- nt -	1	2.873.319.000	2.873.319.000
3	Cầu Km9+299,47: Cầu 01 nhịp giản đơn 21m, kết cấu dầm BTCT 40Mpa dự ứng lực tiết diện chữ T. Mặt cắt ngang gồm 4 dầm dọc cách khoản 2m, chiều cao dầm 1,2m. Bản mặt cầu BTCT 30Mpa, móng cầu dạng tường phẳng BTCT 30MPa, móng nông BTCT 30Mpa, tứ nón gia cố bằng BT 12Mpa.	- nt -	1	4.190.107.000	4.190.107.000
4	Cống tròn: gồm 19 cống ống bằng BTCT M200 đá 1x2 , móng thân cống bằng dầm sạn đệm dày 30cm, thân tường đầu, tường cánh, hố thu bằng bê tông M150 đá 2x4, móng tường đầu, tường cánh hố thu sân công BT M150 đá 4x6.	- nt -	1	2.059.691.000	2.059.691.000
5	Cống hộp gồm 01 cái, kết cấu đan cống M300 đá 1x2, móng cống, tường đầu, tường cánh BT M200 đá 4x6, chân khay sân cống BT M150 , sân gia cố bằng đá hộcM100	- nt -	1	514.769.000	514.769.000
6	Cống bản: 10 cái, kết cấu đan cống M300 đá 1x2, móng cống, tường đầu, tường cánh BT M200 đá 4x6, chân khay sân cống BT M150 , sân gia cố bằng đá hộcM150 đá 4x6.	- nt -	1	1.029.966.000	1.029.966.000
7	An toàn giao thông: Vạch sơn biển báo tuân thủ theo Điều lệ báo hiệu đường bộ QCVN41:2012/BGTVT ngày 29/5/2012	- nt -	1	193.878.000	193.878.000